

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1032/2026/DS-ST
Ngày: 22-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Quang Chính
- Bà Nguyễn Đặng Thanh Giang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Trang - Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1658/2025/TLST-DS ngày 27/11/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2930/2026/QĐXXST-DS ngày 24/4/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Trụ sở: 89 L, phường Đ, Thành phố H

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc T, ông Hồ Sỹ H, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Phước V1, bà Nguyễn Thị Thùy T1

Cùng địa chỉ liên lạc: Tầng 7, số 127B L, phường G, Thành phố H

(Văn bản ủy quyền số 2***1/2025/UQ-VPB ngày 30/9/2025)

Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng T2, sinh năm 1991

Địa chỉ: 02 Đường N, Khu phố B, phường Long Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 20/10/2025, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Giữa Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) và ông Nguyễn Hồng T2 có ký các hợp đồng sau:

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ Ngân hàng điện tử (325-P-48*****5) ngày 06/4/2022,

cụ thể: Hạn mức thẻ: 80.000.000 đồng; Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống; Loại thẻ: VPBank Super Shopee Platinum Visa; Lãi suất: 39,48%/năm.

Tổng số tiền ông T2 đã sử dụng từ các lần giao dịch tính từ ngày phát hành thẻ (07/4/2022) là: 278.124.100 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 226.530.149 đồng (trong đó: gốc 202.064.663 đồng, lãi 22.445.863 đồng và phí 2.019.623 đồng).

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Mở & Sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử (LD325-P-48*****5) ký ngày 17/4/2023, cụ thể: Số tiền giải ngân: 147.000.000 đồng; Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống; Thời hạn vay: 36 tháng; Lãi suất cho vay 47%/năm cố định trong suốt thời hạn cho vay.

Tổng số tiền ông T2 đã thanh toán cho VPBank là: 32.044.007 đồng (trong đó: gốc 6.564.265 đồng và lãi 25.479.742 đồng).

Từ ngày 03/6/2023, ông Nguyễn Hồng T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng V dù Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian cho khách hàng trả nợ nhưng phía ông T2 vẫn không có ý thức trả dứt nợ cho ngân hàng. Do đó Ngân hàng V đã chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển toàn bộ khoản nợ sang nợ quá hạn.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông T2 trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 04/02/2026 là 593.085.322 đồng (gồm: nợ gốc khoản vay 140.435.735 đồng; nợ lãi khoản vay 234.717.424 đồng; nợ gốc thẻ tín dụng 76.059.437 đồng và nợ lãi thẻ tín dụng 141.872.726 đồng). Lãi tiếp tục tính từ cho đến khi ông T2 thanh toán hết nợ.

* *Bị đơn ông Nguyễn Hồng T2*: Dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

* *Tại phiên tòa*:

- Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản xác định tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu ông T2 phải thanh toán tính đến ngày 22/5/2026 là 657.378.606 đồng, trong đó:

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ Ngân hàng điện tử (325-P-48*****5) ngày 06/4/2022 là 239.064.214 đồng, gồm: gốc 76.059.437 đồng và lãi quá hạn 163.004.777 đồng.

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ Ngân hàng điện tử (LD325-P-48*****5) ký ngày 17/4/2023 là 418.314.392 đồng, gồm: Gốc 140.435.735 đồng, lãi trong hạn 8.139.370 đồng và lãi quá hạn 269.739.287 đồng

Lãi tiếp tục tính từ ngày 23/5/2026 cho đến khi ông T2 thanh toán hết nợ. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng V yêu cầu ông T2 thanh toán số tiền còn nợ của hợp đồng vay và của thẻ tín dụng. Đồng thời, ông T2 có địa chỉ cư trú tại phường Long Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và ông T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ Ngân hàng điện tử (325-P-48*****5) ngày 06/4/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ Ngân hàng điện tử (LD325-P-48*****5) ký ngày 17/4/2023; Bảng tính lãi; lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở kết luận: Việc ký kết các Hợp đồng trên giữa ông T2 và Ngân hàng V là có thật, tự nguyện, phù hợp với các quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và có giá trị pháp lý ràng buộc giữa các bên. Theo đó: Ngân hàng đã cấp cho ông T2 01 thẻ tín dụng và ông T2 đã sử dụng thẻ tín dụng để thực hiện các giao dịch. Đồng thời, Ngân hàng V đã giải ngân cho ông T2 số tiền đã vay theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, từ ngày 03/6/2023, ông T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho Ngân hàng V dù Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian cho khách hàng trả nợ nhưng phía ông T2 vẫn không có ý thức trả dứt nợ.

Tòa án đã tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T2 vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét, việc ông T2 không trả các khoản nợ cho Ngân hàng V là vi phạm thỏa thuận trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ Ngân hàng điện tử (325-P-48*****5) ngày 06/4/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ Ngân hàng điện tử (LD325-P-48*****5) ký ngày 17/4/2023 và các quy định của pháp luật.

Căn cứ các điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V, buộc ông T2 thanh toán cho Ngân hàng V một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 22/5/2026 là 657.378.606 đồng, trong đó:

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ Ngân hàng điện tử (325-P-48*****5) ngày 06/4/2022 là 239.064.214 đồng, gồm: gốc 76.059.437 đồng và lãi quá hạn 163.004.777 đồng.

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ Ngân hàng điện tử (LD325-P-48*****5) ký ngày 17/4/2023 là 418.314.392 đồng, gồm: Gốc 140.435.735 đồng, lãi trong hạn 8.139.370 đồng và lãi quá hạn 269.739.287 đồng

Lãi tiếp tục tính từ ngày 23/5/2026 cho đến khi ông T2 thanh toán hết nợ. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 41.145.118 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào các điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

- Ông Nguyễn Hồng T2 có trách nhiệm thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 23/4/2026 là 657.378.606 đồng, trong đó:

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ Ngân hàng điện tử (325-P-48*****5) ngày 06/4/2022 là 239.064.214 đồng, gồm: gốc 76.059.437 đồng và lãi quá hạn 163.004.777 đồng.

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ Ngân hàng điện tử (LD325-P-48*****5) ký ngày 17/4/2023 là 418.314.392 đồng, gồm: Gốc 140.435.735 đồng, lãi trong hạn 8.139.370 đồng và lãi quá hạn 269.739.287 đồng.

Lãi tiếp tục tính từ ngày 23/5/2026 cho đến khi ông Nguyễn Hồng T2 thanh toán hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ Ngân hàng điện

từ (LD325-P-48*****5) ký ngày 17/4/2023; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ Ngân hàng điện tử (325-P-48*****5) ngày 06/4/2022. Trường hợp, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP V thì lãi suất mà ông Nguyễn Hồng T2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP V.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 15.147.572 đồng, ông Nguyễn Hồng T2 chịu. Nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V 11.975.420 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 00***87 ngày 04/11/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông báo hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND KV2-TP.HCM;
- Các đương sự;
- THADS TP.HCM;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thúy Quỳnh